

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2024.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
- Ông Trần Đắc Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:* Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2024, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đồng Văn K - sinh năm 1987, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Út M - sinh năm 1990, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Đồng Văn K như sau:

Vào năm 2009, ông và bà Trần Thị Út M tự tìm hiểu nhau được 03 tháng thì tổ chức đám cưới, sau đó vợ chồng ông đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 23/01/2013.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong thời gian ông đi làm xa, ở nhà vợ ông có quan hệ với người đàn ông khác và bỏ nhà đi theo người đàn ông đó từ ngày mùng 9 tết năm 2023 cho đến nay. Vợ chồng đã ly thân được hơn 01 năm. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và ông không còn tình cảm yêu thương bà Trần Thị Út M nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Út M.

Thời gian chung sống vợ chồng ông có 04 người con chung tên Đồng Ngọc L – sinh ngày 02/8/2010, Đồng Văn T – sinh ngày 30/8/2013, Đồng Văn T1 – sinh ngày 14/3/2016 và Đồng Thiên K1 – sinh ngày 19/3/2018 hiện nay ông đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Trần Thị Út M.

Về con chung: Ông xin nuôi con chung tên Đồng Ngọc L – sinh ngày 02/8/2010, Đồng Văn T – sinh ngày 30/8/2013, Đồng Văn T1 – sinh ngày 14/3/2016 và Đồng Thiên K1 – sinh ngày 19/3/2018. Ông không yêu cầu bà Trần Thị Út M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Út M đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà Trần Thị Út M không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của bà Trần Thị Út M.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách

đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông Đồng Văn K được ly hôn với bà Trần Thị Út M. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đồng Ngọc L – sinh ngày 02/8/2010, Đồng Văn T – sinh ngày 30/8/2013, Đồng Văn T1 – sinh ngày 14/3/2016 và Đồng Thiên K1 – sinh ngày 19/3/2018 cho ông Đồng Văn K nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Đồng Văn K và bà Trần Thị Út M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị Út M là bị đơn trong vụ án, bà Trần Thị Út M có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi bà đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay bà Trần Thị Út M vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Trần Thị Út M vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị Út M.

Ông Đồng Văn K có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông Đồng Văn K không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đồng Văn K.

[2] Về hôn nhân: Ông Đồng Văn K và bà Trần Thị Út M cưới nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2013, ngày 23/01/2013, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của ông Đồng Văn K và bà Trần Thị Út M là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của ông Đồng Văn K và bà Trần Thị Út M là hôn nhân tự nguyện vợ chồng ông sống hạnh phúc 14 năm và có 04 người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Ông Đồng Văn K cho rằng trong thời gian ông đi làm xa, ở nhà vợ ông có quan hệ với người đàn ông khác và bỏ nhà đi theo người đàn ông đó từ ngày mùng 9 tết năm 2023 cho đến nay. Vợ chồng ông đã ly thân được hơn 01 năm. Trong thời gian ly thân ông và bà Trần Thị Út M không còn liên lạc với nhau, bà Út M cũng không tới lui thăm nom con. Ngày 17/4/2024 và ngày 18/6/2024, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Trần Thị Út M vắng mặt và ông Đồng Văn K cương quyết ly hôn với bà Trần Thị Út M. Xét thấy, vợ chồng ông Đồng Văn K và bà Trần Thị Út M đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm, trong thời gian này, bà Trần Thị Út M và ông Đồng Văn K không tìm được tiếng nói chung và không còn liên lạc với nhau, khi Tòa án mời bà Trần Thị Út M đến Tòa án để hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì bà Trần Thị Út M không có mặt cho thấy bà không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Ông Đồng Văn K cương quyết xin ly hôn với bà Trần Thị Út M và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương bà Trần Thị Út M, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đồng Văn K.

[4] Về con chung: Ông Đồng Văn K và bà Trần Thị Út M có 04 người con chung tên Đồng Ngọc L – sinh ngày 02/8/2010, Đồng Văn T – sinh ngày 30/8/2013,

Đồng Văn T1 – sinh ngày 14/3/2016 và Đồng Thiên K1 – sinh ngày 19/3/2018, hiện nay ông Đồng Văn K đang nuôi dưỡng.

Bà Trần Thị Út M không có ý kiến về quyền nuôi con. Ông Đồng Văn K xin nuôi con chung tên Đồng Ngọc L – sinh ngày 02/8/2010, Đồng Văn T – sinh ngày 30/8/2013, Đồng Văn T1 – sinh ngày 14/3/2016 và Đồng Thiên K1 – sinh ngày 19/3/2018, các cháu L, T, T1 có nguyện vọng sống chung với cha nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đồng Văn K.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đồng Văn K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đồng Văn K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Đồng Văn K phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004670, ngày 24/01/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn K.

Về hôn nhân: Xử cho ông Đồng Văn K và bà Trần Thị Út M được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao các cháu Đồng Ngọc L – sinh ngày 02/8/2010, Đồng Văn T – sinh ngày 30/8/2013, Đồng Văn T1 – sinh ngày 14/3/2016 và Đồng Thiên K1 – sinh ngày 19/3/2018 cho ông Đồng Văn K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Trần Thị Út M được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở bà thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Đồng Văn K phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004670, ngày 24/01/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang